

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-PT

Ngày 29-01-2024

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Bà Trần Thị Thúy Hà

Ông Phạm Tấn Tài

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Lương Thị Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2023/TLPT-DS ngày 22/12/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án số 194/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2023/QĐXX-PT ngày 22/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐ-PT ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần D. Địa chỉ: Quốc lộ C, khóm A, phường P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tý H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số B, quốc lộ C, khóm A, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 22/11/2022 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần D) (có mặt)

2. Bị đơn: ông Phạm Thanh T, sinh năm 1973; cư trú: số C, tổ A, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Thanh T: ông Trương Phú P, sinh năm 1981; cư trú: tổ D, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy

quyền ngày 04/8/2023) (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Võ Đình Á, sinh năm 1975, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần D. Địa chỉ: Quốc lộ C, khóm A, phường P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: ông Phạm Thanh T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, Công ty cổ phần D trình bày:* vào năm 2019, ông Phạm Thanh T và Công ty cổ phần D có ký hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản với nhau, hợp đồng số 021/HĐMB-DMN2019 ngày 08/12/2019. Quá trình mua bán, ông T đã thanh toán cho Công ty cổ phần D được 19.544.334.600 đồng. Đối chiếu với số tiền mua hàng và đã thanh toán, ông T còn nợ công ty cổ phần D tính đến ngày 31/10/2022 là 685.107.046 đồng, trong đó nợ gốc: 515.417.400 đồng và lãi tính đến ngày 31/10/2022 là 169.689.646 đồng. Công ty cổ phần D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Thanh T phải trả tổng số tiền đến ngày 31/10/2022 là 685.107.046 đồng, trong đó nợ gốc: 515.417.400 đồng và lãi là 169.689.646 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 8%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

* *Bị đơn ông Phạm Thanh T trình bày:* năm 2019, ông có mua thức ăn thủy sản của Công ty cổ phần D để nuôi cá như trình bày của nguyên đơn. Tháng 8 năm 2020 ông có thu hoạch cá nhưng do lượng cá rút trầm trọng nên ông có báo công ty về chất lượng thức ăn thủy sản thì công ty nói quá 05 ngày nên không thử đạm được, giữa ông và Công ty cổ phần D có lằng nhằng với nhau về số tiền giữa hai bên mua bán. Sau đó, ông Võ Đình Á là chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần D đến làm việc trực tiếp với ông tại nhà của ông, hai bên xác định ông còn nợ Công ty cổ phần D là 2.515.417.000 đồng nhưng do chất lượng thức ăn của Công ty cổ phần D không đảm bảo nên chất lượng cá bị ảnh hưởng, ông Á có thống nhất với ông là chỉ lấy 2.000.000.000 đồng tiền mặt, còn số tiền còn lại là 515.417.400 đồng thì Công ty cổ phần D cho lại người nuôi, tức là không yêu cầu ông trả khoản nợ 515.417.400 đồng, mặc nhiên ông nghĩ ông không còn nợ Công ty cổ phần D số tiền này. Từ ngày ông trả cho Công ty cổ phần D số tiền 2.000.000.000 đồng đến nay thì Công ty cổ phần D không yêu cầu đòi nợ ông về số tiền này, nay lại kiện ông số tiền này thì ông không đồng ý. Việc Công ty cổ phần D do ông Á làm chủ tịch Hội đồng quản trị xác định hỗ trợ cho ông số tiền 515.417.400 đồng có sự chứng kiến của Phan Thành T1 (nhân viên kinh doanh của công ty D), Phan Tuấn Đ (Giám đốc kinh doanh công ty D), Phạm Phú C (là người nuôi cá giáp ranh với ông) và xác định phía Công ty cổ phần D đã cho ông số tiền này, nghĩa là hỗ trợ cho ông số tiền 515.417.400 đồng, tức là ông không còn nợ Công ty cổ phần D bất kỳ số tiền nào nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đình Á có văn bản trình bày:*

ông không thừa nhận lời trình bày của ông Phạm Thanh T, ông A cho rằng ông không liên quan đến vụ án, việc ông T nợ Công ty cổ phần D số tiền 515.417.400 đồng thì căn cứ vào hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản số 021/HĐMB-DMN2019 ngày 08 tháng 12 năm 2019 và bảng kê chi tiết công nợ và lãi chậm thanh toán đã thể hiện ông T còn nợ Công ty cổ phần D số tiền 515.417.400 đồng và nợ tiền lãi là 168.689.646 đồng là sự thật.

Tại Bản án số 194/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần D đối với nợ gốc là 515.417.400 đồng, nợ lãi tính từ ngày 06/11/2020 đến ngày 28/8/2023 là 112.246.456 đồng.

Buộc bị đơn ông Phạm Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần D tổng số tiền 627.663.856 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần D đối với số tiền lãi chậm thanh toán là 90.336.144 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc chịu tiền lãi do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2023, ông Phạm Thanh T kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ. Trong đó:

Đại diện hợp pháp của ông Phạm Thanh T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng do Công ty cổ phần D giao thức ăn chăn nuôi không đạt chất lượng nên công ty có ý hỗ trợ người chăn nuôi, vì thế ông T đã trả tiền cho Công ty D thông qua việc gửi trực tiếp cho ông Võ Đình A số tiền 2.000.000.000 đồng và chính ông A đã đồng ý hỗ trợ số tiền nợ còn lại 515.417.400 đồng nên xem như không còn nợ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Tý H, đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần D cho rằng các sản phẩm của công ty đều đạt chất lượng như cam kết, Công ty cổ phần D không có văn bản nào về việc hỗ trợ ông T do ông chăn nuôi không đạt sản lượng; còn việc ông Võ Đình A đến liên hệ với ông Phạm Thanh T không phải với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần D; ông T cho rằng ông A hứa công ty hỗ trợ đối với số tiền nợ còn lại nhưng đây chỉ là trình bày của ông T, không được ông A xác

nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự, đại diện hợp pháp của đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: qua xem xét đánh giá tài liệu, chứng cứ cho thấy việc Công ty D hỗ trợ, giảm số tiền hàng còn nợ chỉ là lời trình bày của ông T. Việc ông T cho rằng trả tiền cho ông A và ông A đã đồng ý giảm cho ông số tiền còn lại 515.417.400 đồng thì cũng không được Công ty cổ phần D thừa nhận, ông A cũng không thừa nhận việc này. Mặt khác, ông A không có đủ thẩm quyền để miễn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông T, việc miễn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông T thuộc người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần D là ông Nguyễn Thanh H1. Do vậy, Công ty cổ phần D khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền còn nợ 515.417.400 đồng và trả lãi là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: ông Phạm Thanh T làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo của bà là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[2] Về kháng cáo của ông Phạm Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: diễn biến tại phiên tòa và căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập xác định giữa ông Phạm Thanh T và Công ty cổ phần D đã ký kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản; thực hiện theo hợp đồng, Công ty cổ phần D đã giao thức ăn chăn nuôi cho ông Phạm Thanh T với tổng giá trị hàng hóa 20.059.752.000 đồng và ông T đã thanh toán cho Công ty cổ phần D số tiền 19.544.334.600 đồng, còn nợ lại 515.417.400 đồng.

Ông Phạm Thanh T cho rằng vì chất lượng thức ăn thủy sản của Công ty cổ phần D không đảm bảo chất lượng dẫn đến việc chăn nuôi của ông không đạt sản lượng và ông Võ Đình A là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần D đã đồng ý hỗ trợ, giảm số tiền nợ còn lại 515.417.400 đồng nên ông không còn nợ tiền hàng của Công ty cổ phần D. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày này của phía ông T là không có cơ sở vì không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các bên có

tranh chấp về chất lượng thức ăn thủy sản do Công ty cổ phần D sản xuất và giao cho ông Phạm Thanh T, Công ty cổ phần D hoàn toàn không có văn bản nào thể hiện việc đồng ý giảm số tiền nợ còn lại để hỗ trợ ông T; ông Võ Đình Á không thừa nhận đồng ý hỗ trợ, giảm số tiền ông T còn nợ Công ty cổ phần D, mặt khác, ông Võ Đình Á không phải là đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần D nên trường hợp ông Á đồng ý miễn giảm số tiền ông T còn nợ Công ty cổ phần D cũng không hiện nhiên ông được miễn nghĩa vụ trả nợ tiền mua thức ăn thủy sản đối với Công ty cổ phần D.

Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã thu thập đầy đủ, đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ và quyết định buộc ông Phạm Thanh T phải trả tiền hàng còn nợ và lãi do chậm thanh toán cho Công ty cổ phần D là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thanh T.

[3] Các phần các của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét đến và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo của ông Phạm Thanh T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thanh T.

Giữ nguyên Bản án số 194/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần D:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần D đối với nợ gốc là 515.417.400 đồng, nợ lãi tính từ ngày 06/11/2020 đến ngày 28/8/2023 là 112.246.456 đồng.

- Buộc bị đơn ông Phạm Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần D tổng số tiền 627.663.856 đồng.

Kể từ ngày 29/8/2023 (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 8%/năm của Hợp đồng kinh tế số 021/HĐMB-DMN2019 ngày 08/12/2019.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần D đối với số tiền lãi chậm thanh toán là 90.336.144 đồng.

[2] Về án phí:

Bị đơn ông Phạm Thanh T phải chịu 29.106.554 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015325 ngày 25/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú và sau khi khấu trừ, ông Phạm Thanh T còn phải nộp 29.106.554 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty cổ phần D phải chịu 4.516.807 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2022/0005350 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú và sau khi khấu trừ, Công ty cổ phần D được nhận lại số tiền 11.183.193 đồng.

[3] Các phần khác của Bản án số 194/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân huyện Châu Phú;

- Chi cục THADS huyện Châu Phú;

- Dương sự;

- Lưu (Văn phòng Tòa án tỉnh, Phòng

KTNV, hồ sơ).

Nguyễn Phước Hưng